

Mẫu số 08.KT

BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG
THÔN
MINISTRY OF
AGRICULTURE
AND RURAL
DEVELOPMENT
TỔNG CỤC THỦY SẢN
DIRECTORATE OF
FISHERIES

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

Số/Number:



**GIẤY PHÉP CHO TÀU CÁ ĐI KHAI THÁC THỦY SẢN TẠI VÙNG BIỂN THUỘC
QUYỀN QUẢN LÝ CỦA TỔ CHỨC NGHỀ CÁ KHU VỰC
LICENSES FOR FISHING VESSELS OPERATING IN WATERS UNDER THE
JURISDICTION OF REGIONAL FISHERIES ORGANIZATIONS**

Căn cứ vào Luật Thủy sản 2017;

Pursuant to the Vietnam's Fisheries Law 2017;

Căn cứ Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày ../.../2019 của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Pursuant to Decree No. .../2019/ND-CP dated on... June 2019 by the Government of the Socialist Republic of Vietnam;

Căn cứ Hiệp định hợp tác khai thác thủy sản giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với
.....;

Pursuant to Fishing Agreement between the Socialist Republic of Vietnam;

Theo đề nghị của chủ tàu (tổ chức, cá nhân),

Upon proposal by vessel's owner,

TỔNG CỤC THỦY SẢN CẤP PHÉP:

DIRECTOR GENERAL OF DIRECTORATE OF FISHERIES PERMITS:

Chủ tàu (Vessel's owner):

Địa chỉ thường trú (Resident address):

Điện thoại (Tel):....., Fax:

Tên tàu (Name of vessel):... Số đăng ký (Registration number):

Cảng, bến đăng ký (Designed port):

Nghề chính (Main gear) Nghề phụ (Sub gear):

Được đi khai thác thủy sản tại vùng biển thuộc quyền quản lý của tổ chức nghề cá
..... ..

Thời gian: từ ngày tháng.... nămđến ngày tháng năm

Validated period from date month year.... to date: month... year

Sản lượng được phép khai thác: tấn/năm

Total Allowable Catch: Tons/Year

Hà Nội, ngày tháng năm.....

Issued in Hanoi on.....

**TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THỦY
SẢN**

**DIRECTOR GENERAL OF
DIRECTORATE OF FISHERIES**

(Ký tên, đóng dấu)

(Signature and seal)

Nguồn: Nghị định 26/2019/NĐ-CP